

# LIỆU CÓ THỂ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP BIỂN ĐÔNG? NHỮNG CHỌN LỰA CỦA ASEAN TRƯỚC MỘT TRUNG QUỐC QUYẾT ĐOÁN

*Leszek Buszynski*

## **Giới thiệu**

Biển Đông là khu vực tranh chấp chủ quyền đối với các đảo và lãnh hải giữa Trung Quốc và 5 quốc gia ASEAN gồm: Việt Nam, Philippin, Malaysia, Brunei và Indonesia. Tranh chấp này bao gồm những vấn đề phức tạp liên quan đến việc Luật biển quốc tế không đưa ra hướng dẫn rõ ràng trong trường hợp có sự chồng lấn về yêu sách đối với lãnh hải, các đảo và vùng Đặc quyền kinh tế (EEZ). Các bên tranh chấp đều có những yêu sách đối kháng nhau đối với nguồn dầu khí, quyền đánh bắt cá, và đối với nước yêu sách chính là Trung Quốc chính là sự tiếp cận chiến lược đối với Biển Đông. Bài viết lập luận rằng nhân tố chiến lược đã trở thành nhân tố quan trọng nhất và làm lu mờ các nhân tố còn lại. Tranh chấp Biển Đông đang ngày càng gắn liền với những vấn đề chiến lược rộng lớn hơn liên quan đến Tây Thái Bình Dương, ảnh hưởng đến cả Trung Quốc và Hoa Kỳ. Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông gia tăng cùng với sức mạnh ngày càng được tăng cường của hải quân Trung Quốc và nhu cầu mở rộng tiếp cận eo biển Malacca và Thái Bình Dương của nước này. Khi Trung Quốc phát triển chiến lược chống xâm nhập và từ chối tiếp cận biển thì Hoa Kỳ cũng buộc phải đưa ra quan điểm để bảo vệ vị trí chiến lược của mình trong khu vực. Các quan chức Trung Quốc đã coi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”. Tuyên bố này mặc dù chưa được chính thức công nhận nhưng nó cũng thể hiện một nhận thức rất rõ ràng về ý nghĩa của khu vực Biển Đông. Lựa chọn của ASEAN trong tình huống này là hạn chế chừng nào mà khối này vẫn còn chia rẽ và không thể phát triển sự đồng thuận trong cách đối phó với

Trung Quốc. Sự chia rẽ này càng dai dẳng trong ASEAN thì càng có khả năng rằng khối này sẽ bị ngập chìm bởi các sự kiện mà sẽ đặt tương lai của khu vực vào tay các cường quốc.

## **NHỮNG NỖ LỰC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, LIÊN HỢP QUỐC VÀ ASEAN.**

Một giải pháp chính trị hoặc ngoại giao cho tranh chấp ở thời điểm hiện tại có vẻ không khả thi. Những đề xuất mang tranh chấp này lên Tòa án Công lý quốc tế để phân xử không được các bên chấp nhận. Liên Hợp Quốc không can dự vào các tranh chấp lãnh thổ với vai trò trung gian hòa giải trừ phi có yêu cầu trực tiếp từ các bên yêu sách. Ủy ban Liên Hợp Quốc về giới hạn thềm lục địa (CLCS) đã yêu cầu các bên đệ trình bản báo cáo liên quan đến yêu sách đối với thềm lục địa vào hạn chót là trước ngày 13/5/2009. Việt Nam và Malaysia đã gửi bản đệ trình chung về Biển Đông vào ngày 6/5, và ngay ngày hôm sau, Trung Quốc đã gửi công hàm phản đối. Công hàm của Trung Quốc đính kèm bản đồ đường 9 đoạn yêu sách đối với Biển Đông mà vẫn không làm rõ bản chất thực sự về yêu sách của Trung Quốc. Tuy nhiên, Ủy ban Liên Hợp Quốc sẽ không ra phán quyết đối với một bản đệ trình nếu nó liên quan đến tranh chấp lãnh thổ. Vào ngày 5/4, Philippin đã kháng cáo lên Liên Hợp Quốc sau khi tàu tuần duyên Trung Quốc quấy nhiễu một tàu khai thác dầu khí Philippin trong vùng tranh chấp vào hồi tháng 3/2011<sup>1</sup>. Ngày 14/4, Trung Quốc đã phản ứng khi tuyên bố rằng Philippin đã “xâm chiếm” Biển Đông vào thập niên 1970 khi nước này tuyên bố chủ quyền ở khu vực này<sup>2</sup>. Vì Liên Hợp Quốc không có thẩm quyền xét xử vấn đề tranh chấp lãnh thổ, do đó nỗ lực của Philippin không mang lại kết quả, tuy nhiên ít nhất thì điều đó cũng công

<sup>1</sup> “Philippines protests China’s Spratly claim at UN,” AFP, 13 April 2011

<sup>2</sup> Teresa Cerrojano, “Beijing counters Manila’s UN protest, says Philippines “started to invade” Spratlys in 1970s,” AFP, 19 April 2011

khai quan điểm của nước này. Đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau cả ở cấp độ song phương và đa phương nhằm tìm giải pháp cho vấn đề tranh chấp, những hiệp định giữa Việt Nam - Philippin, Việt Nam - Trung Quốc, Malaysia - Trung Quốc gần đây là những ví dụ về cách tiếp cận song phương. Chủ trương của Trung Quốc là đàm phán song phương, nhưng điều đó rõ ràng bất lợi đối với các quốc gia tranh chấp ASEAN. Cách tiếp cận đa phương mang lại hy vọng lớn hơn nhiều để giải quyết tranh chấp, và cũng chính vì mục đích đó mà Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) đã được thành lập năm 1994. Mục tiêu của Diễn đàn là lôi kéo Trung Quốc vào sứ mạng duy trì an ninh khu vực và để giành sự thừa nhận của nước này đối với trật tự hiện tại. Tuy nhiên Trung Quốc luôn phản đối sự dính líu của ARF trong vấn đề tranh chấp và khẳng định chủ trương tiến hành đàm phán song phương, không chấp nhận đàm phán đa phương<sup>3</sup>.

Mặc dù vậy, Trung Quốc đã ký một văn bản đa phương với ASEAN: Tuyên bố về cách ứng xử của Các bên tại Biển Đông (DOC) vào tháng 11/2002, và vào thời điểm đó thì đây là văn kiện đầy triển vọng. Trung Quốc đã đồng ý ký một văn kiện với ASEAN với tư cách là một khối mặc dù đây chỉ là tuyên bố chứ không phải là bộ quy tắc ứng xử chính thức. Sau đó Trung Quốc cũng tham gia vào Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác vào ngày 10/8/2003, theo đó những tranh chấp sẽ được giải quyết một cách hòa bình. Cùng ngày, “Kế hoạch tổng thể” nhằm đưa mối qua hệ ASEAN – Trung Quốc sâu rộng hơn giai đoạn 2005 -2010 đã được ASEAN thông qua, trong đó đã đưa ra nhiều đề xuất khác nhau nhằm thực hiện DOC như thông qua Hội nghị Cấp cao thường niên ASEAN – Trung Quốc (SOM), hay thành lập Nhóm làm việc chung soạn thảo những đề nghị nhằm thực hiện DOC và kiến nghị những định hướng chính sách lên Hội nghị Cấp cao ASEAN – Trung Quốc

---

<sup>3</sup> Rodolfo C. Severino, The ASEAN Regional Forum, Institute of Southeast Asian Studies, Singapore 2009, p. 58

(SOM)<sup>4</sup>. Tháng 12/2004 các quan chức cấp cao ASEAN Trung Quốc đã quyết định thành lập Nhóm làm việc chung ASEAN – Trung Quốc về việc thực hiện DOC (ASEAN – China JWG). Hai bên cũng đồng ý tiến tới việc cuối cùng ký kết một bộ quy tắc ứng xử. JWG đã có 6 cuộc gặp, lần đầu tiên vào năm 2005 tại Manila, lần cuối cùng là vào tháng 3/2011 nhưng với rất ít kết quả đạt được.

ARF tiếp tục bàn về bộ quy tắc ứng xử nhưng nó vẫn chỉ là một hy vọng hơn là một đề xuất mang tính thực tế. Tháng 7/2009, tại ARF 16 tổ chức tại Phuket, tuyên bố của Chủ tịch nhấn mạnh hy vọng rằng ASEAN và Trung Quốc cần “nhanh chóng hoàn tất Hướng dẫn về việc thực thi DOC”. Tuyên bố cũng nêu ra rằng các bên “hướng tới việc cuối cùng ký kết một Bộ Quy tắc ứng xử khu vực”<sup>5</sup>. Việt Nam đặt nhiều hy vọng đạt được tiến triển về bộ Quy tắc ứng xử (COC) khi nước này giữ chức Chủ tịch ASEAN năm 2010. Tuyên bố của Chủ tịch ASEAN tại ARF 17 tại Hà Nội vào tháng 7/2010 là các thành viên “khuyến khích những nỗ lực hướng tới thực thi đầy đủ DOC và cuối cùng đi đến ký kết bộ Quy tắc Ứng xử Khu vực”<sup>6</sup>. Thực sự thì vấn đề ở đây là gì? Khó khăn chủ yếu là phạm vi của COC và khu vực mà Bộ quy tắc được áp dụng. Việt Nam đã gây sức ép để áp dụng bộ quy tắc đối với cả Hoàng Sa là khu vực Trung Quốc phản đối. Đại sứ Trung Quốc tại Philippin Liêu Kiến Siêu (Liu Jianchao) tuyên bố Trung Quốc sẵn sàng đàm phán về Bộ quy tắc với ASEAN tuy nhiên vẫn chưa có tiến triển nào đối

---

<sup>4</sup> Plan of Action to Implement the Joint Declaration on ASEAN-China Strategic Partnership for Peace and Prosperity, Association of Southeast Asian nations, <http://www.aseansec.org/16805.htm>

<sup>5</sup> Chairman’s Statement, 16th ASEAN Regional Forum, 23 July 2009, Phuket, Thailand, ASEAN Regional forum.  
<http://www.aseanregionalforum.org/PublicLibrary/ARFChairmansStatementsandReports/tabid/66/Default.aspx>

<sup>6</sup> Chairman’s Statement, 17th ASEAN Regional Forum 23 July 2010, Ha Noi, Viet Nam, ASEAN Regional forum.  
<http://www.aseanregionalforum.org/PublicLibrary/ARFChairmansStatementsandReports/tabid/66/Default.aspx>

với vấn đề này<sup>7</sup>. Trung Quốc đã phản đối quan điểm cho rằng COC hạn chế sự tự do hoạt động trong khu vực Biển Đông và rằng bộ quy tắc này có thể tạo cơ hội cho những đàm phán đa phương về Biển Đông. Indonesia vẫn đang nỗ lực mạnh mẽ nhằm thúc đẩy Bộ Quy tắc. Việt Nam đã có được sự đồng tình của Philippin về Bộ quy tắc khi Ngoại trưởng đương nhiệm Philippin Albert del Rosario tới Hà Nội vào ngày 5/4/2011<sup>8</sup>. Sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với bộ Bộ quy tắc thể hiện qua tuyên bố của Ngoại trưởng Hillary Clinton tại ARF 17 tại Hà Nội, cũng như tuyên bố của Đại sứ Mỹ tại Philippin Harry Thomas, đã dẫn đến sự phản đối gay gắt của Trung Quốc. Trong mọi tình huống thì Bộ quy tắc luôn bị phủ bóng bởi những diễn biến khác mà cản trở việc giải quyết vấn đề này.

### **Những nhân tố chiến lược**

Biển Đông được xem như “tiêu điểm địa chính trị” của Đông Nam Á và đang nhanh chóng trở thành khu vực then chốt đối với Đông Á<sup>9</sup>. Biển Đông là “hành lang giao thông sống còn” đối với thương mại và cung cấp năng lượng của Nhật Bản, Hàn Quốc cũng như Trung Quốc; ước tính 75 % khí ga và dầu khí hàng năm của thế giới đi qua khu vực này và khối lượng ước tính sẽ gấp đôi vào năm 2020<sup>10</sup>. Vì Đông Á ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào thương mại và nguồn năng lượng nhập khẩu để duy trì tăng trưởng kinh tế, do đó an ninh Biển Đông càng trở nên quan trọng. Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đều phát triển những chương trình hải quân để bảo vệ những tuyến đường biển của mình theo mức độ khác

---

<sup>7</sup> “China, ASEAN working on South China Sea code-Ambassador,” ABS CBN News, 1 October 2010

<sup>8</sup> “Phl, Vietnam agree on Code of Conduct in South China Sea,” Philstar.com, 8 April 2011

<sup>9</sup> Sam Bateman, “Good Order at Sea in the South China Sea,” in Wu Shicun, Zou Keyuan (editors), *Maritime Security in the South China Sea*, Ashgate, Farnham, Surrey, 2009, pp. 15-16

<sup>10</sup> Andrew S. Erickson, “Maritime Security Cooperation in the South China Sea Region,” in Wu Shicun, Zou Keyuan (editors), *Maritime Security in the South China Sea*, pp. 51-52

nhau. Tuy nhiên Trung Quốc đang là bên yếu sách chính đối với Biển Đông và chương trình phát triển hải quân của nước này tác động trực tiếp tới khu vực. Trung Quốc đang trong quá trình phát triển khả năng hải quân gồm các loại tàu ngầm mới, tàu chiến nổi và tàu sân bay phục vụ cho 2 sứ mệnh. Thứ nhất là chống xâm nhập, nhằm mục đích ngăn chặn tàu hải quân Hoa Kỳ tại khu vực biển ở Tây Thái Bình Dương quanh Đài Loan. Sứ mệnh này liên quan đến Đài Loan và mục tiêu của Trung Quốc là ngăn cản hải quân Hoa Kỳ bảo vệ Đài Loan trong trường hợp nổ ra xung đột khi Đài Loan tuyên bố độc lập hoặc phản đối thống nhất với đại lục. Sứ mệnh thứ hai là SLOC hay bảo vệ tuyến đường biển, mà cần đi kèm với khả năng dẫn thân vươn ra khỏi eo biển Malacca tới Ấn Độ Dương của hải quân để bảo vệ tuyến đường huyết mạch dầu lửa của Trung Quốc tới Trung Đông. Sự tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc thực sự khiến cho nước này phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn cung dầu mỏ nhập khẩu. Số lượng dầu tiêu thụ của Trung Quốc năm 2009 là 52%, và ước tính sẽ tăng 65% vào năm 2020. Trung Quốc ngày càng dễ bị tổn thương đối với việc gián đoạn các tuyến đường biển từ bên ngoài, đây là lý do nước này quan tâm đến việc phát triển hải quân hướng ra đại dương với tàu sân bay và đội tàu hộ tống.<sup>11</sup>

Biển Đông đang ngày trở nên quan trọng đối với Trung Quốc vì nó cung cấp một lối ra thuận lợi cho Hải quân Trung Quốc vào Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Hơn nữa, nếu những căn cứ phía bắc được sử dụng, hải quân Trung Quốc sẽ bị tổn thương bởi một cuộc tấn công từ ngoài khơi. Việc kiểm soát Biển Đông sẽ cho phép Trung Quốc bảo vệ được sự triển khai hải quân của mình tại đây và giảm được tính dễ bị tổn thương đối với những tuyến đường biển của nước này.

---

<sup>11</sup> Mark Cozad, "China's Regional Power Projection: Prospects for Future Missions in the South and East China Seas," in Roy Kamphausen, David Lai, Andrew Scobell (Editors) Beyond the Strait: PLA Missions other than Taiwan, Studies Institute, U.S. Army War College, 122 Forbes Ave, Carlisle, PA April 2009, pp. 312-313

Trung Quốc đã tiến hành xây dựng căn cứ tàu ngầm nguyên tử tại Tam Á (Sanya) đảo Hải Nam từ năm 2002. Tam Á có thể sẽ trở thành căn cứ chủ chốt của Trung Quốc trong việc bảo vệ SLOC và các hoạt động hướng ra đại dương của hải quân Trung Quốc. Tam Á không chỉ là căn cứ cho những loại tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo hạt nhân (SSBNs), mà nó còn là căn cứ cho tàu sân bay và tàu hộ tống khi chúng được triển khai. Việc triển khai các loại vũ khí này sẽ cho phép Trung Quốc triển khai sức mạnh xa hơn về phía nam để củng cố yêu sách của mình đối với quần đảo Trường Sa, và cũng thách thức hải quân Hoa Kỳ tại những khu vực hoạt động gần vùng biển Trung Quốc. Vào tháng 10/2010, có báo cáo cho rằng Trung Quốc đã có hai tàu ngầm nguyên tử lớp Shang đã được đưa vào căn cứ Tam Á, và số lượng theo dự đoán sẽ tăng thêm<sup>12</sup>. Hoa Kỳ đã nhận thấy mối liên hệ trực tiếp giữa sự phát triển căn cứ Tam Á và sự quyết đoán của Trung Quốc đối với các hoạt động trên không và mặt nước của Hoa Kỳ tại khu vực này<sup>13</sup>. Điều này lý giải về sự nhạy cảm của Trung Quốc đối với tàu do thám Hoa Kỳ và việc tại sao Trung Quốc lại đối đầu với tàu USNS Impeccable khi tàu này tiến quá gần căn cứ Tam Á vào ngày 9/3/2009. Truyền thông Bắc Kinh luôn theo sát quá trình cải tạo tàu sân bay Varyag cũ của Liên Xô sắp hoàn thành. Con tàu sẽ được đổi tên thành Shi Lang và chở những chiếc SU 33K, MIG 29K, và sẽ có thể sẽ được neo tại căn cứ Tam Á để phục vụ những nhiệm vụ bảo vệ SLOC<sup>14</sup>. Một chiếc tàu sân bay chẳng có ý nghĩa gì trừ khi có kế hoạch sẽ triển khai đội tàu phòng không và hộ tống ASW để có thể

---

<sup>12</sup> “New Attack sub docked at China’s navy base in Hainan Island,” Mainichi News, 21 October 2010

<sup>13</sup> Statement of Hon. Scot Marciel, Deputy Assistant Secretary of State, Bureau of East Asian and Pacific Affairs, Ambassador for ASEAN Affairs, Department of State, Washington, DC, Maritime Disputes and Sovereignty Issues in East Asia: Hearing before the Subcommittee on East Asian and Pacific Affairs of the Committee on Foreign Relations, United States Senate, One Hundred Eleventh Congress, First Session, July 15, 2009

<sup>14</sup> “China’s first aircraft carrier to be completed soon,” The China Post, 7 April 2011

cho phép thực hiện một nhiệm vụ lớn. Việc triển khai này sẽ thay đổi tình hình Biển Đông và định hình lại chính sách của Trung Quốc đối với khu vực này.

Tiết lộ quan trọng nhất là việc Trung Quốc coi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”, xuất hiện lần đầu tiên trên báo chí vào tháng 3/2010. “Lợi ích cốt lõi” ám chỉ rằng Trung Quốc sẽ sử dụng chiến tranh để bảo vệ nó. Đáng chú ý từ “lợi ích cốt lõi” được công khai từ thông cáo chính thức trong cuộc gặp giữa tổng thống Obama và chủ tịch Hồ Cẩm Đào trong chuyến thăm Bắc Kinh của tổng thống Obama. Thông cáo kêu gọi các bên “tôn trọng lợi ích cốt lõi và mối quan tâm chính của mỗi bên là tiền đề để xây dựng lòng tin chiến lược giữa 2 nước”<sup>15</sup>. “Lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc vào thời điểm đó chỉ giới hạn đối với Đài Loan, nhưng sau đó mở rộng không chính thức đối với cả Biển Đông. Thứ trưởng Ngoại giao [Trung Quốc] Thôi Thiên Khải nói với 2 quan chức cao cấp Hoa Kỳ là Chủ tịch Hội đồng An ninh Quốc gia [Mỹ] Jeffrey Bader và Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ James Steinberg rằng Trung Quốc coi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” của nước này, ngang hàng với Tây Tạng và Đài Loan<sup>16</sup>. Những bình luận của Trung Quốc sau đó cũng hòa nhịp với giọng điệu này. Bình luận trên báo Tân Hoa Xã tuyên bố rằng “bằng việc thêm Biển Đông vào lợi ích cốt lõi của mình, Trung Quốc cho thấy quyết tâm của mình trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên biển và vùng biển chiến lược của mình”. Bài bình luận này khẳng định rằng “chủ quyền lãnh thổ, nguồn tài nguyên chiến lược và những con đường thương mại hình thành nên lợi ích cốt lõi, và như bất kỳ quốc gia nào, Trung Quốc sẽ không bao giờ thỏa hiệp”<sup>17</sup>.

---

<sup>15</sup> “Hu Jintao Holds Talks with US President Obama,” Embassy of the People's Republic of China in the United States, 24 November 2009, [www.china-embassy.org/eng/zmgx/t628931.htm](http://www.china-embassy.org/eng/zmgx/t628931.htm)

<sup>16</sup> Edward Wong, “Chinese Navy Seeks to Extend its Naval Power,” the New York Times, 23 April 2010

<sup>17</sup> Modernizing navy for self-defense, Xinhuanet.com, 13 July 2010  
[http://news.xinhuanet.com/english2010/indepth/2010-07/13/c\\_13397060.htm](http://news.xinhuanet.com/english2010/indepth/2010-07/13/c_13397060.htm)



Trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ phụ trách các vấn đề Thái Bình Dương và Đông Á, Kurt Campbell cho biết các nguồn tài liệu tiếng Trung Quốc đã ám chỉ Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” nhưng đó không phải là chính sách chính thức của nước này<sup>18</sup>. Michael Swaine, người nghiên cứu việc sử dụng thuật ngữ trên đã kết luận rằng chẳng có bằng chứng cho thấy rằng Biển Đông được coi như “lợi ích cốt lõi” của Trung Quốc, và nếu như những quan chức cấp thấp đã sử dụng thuật ngữ đó để ám chỉ đến Biển Đông, thì đó là cá nhân không có thẩm quyền<sup>19</sup>. Khi chủ tịch Hồ Cẩm Đào tới Washington vào tháng 1/2011, bản thông cáo chỉ đề cập đến Đài Loan và Tây Tạng là những lợi ích cốt lõi của Trung Quốc.

Việc sử dụng thuật ngữ đó đối với Biển Đông có thể không nhận được sự tán thành của lãnh đạo cao nhất nhưng có rất nhiều tranh luận về điều này giữa những quan chức cấp thấp hơn<sup>20</sup>. Nếu như ý tưởng này thể hiện suy nghĩ của những quan chức cấp thấp hơn trong chính phủ Trung Quốc thì có thể chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi một nhà lãnh đạo quyết đoán và mang tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cũng sẽ sử dụng thuật ngữ này. Ý định của họ là muốn cho thế giới nhận thức được rằng yêu sách của Trung Quốc đối với Biển Đông cần phải được tôn trọng. Chủ nghĩa dân tộc tại nước này đang phát triển và bị kích thích bởi những thành tựu về kinh tế cũng như những ký ức về sự sỉ nhục mà các cường quốc phương Tây và Nhật Bản đã gây ra cho Trung Quốc trong thế kỷ 19, mà đã được nhấn mạnh bởi những nỗ lực tuyên truyền của Đảng cộng sản Trung Quốc nhằm củng cố tính chính đáng của mình. Hơn nữa việc sử dụng thuật ngữ “lợi ích

---

<sup>18</sup> Jim Stevenson, “Turbulence Remains in South China Sea” Voice of Americanews.com, 17 October 2010, <http://www.voanews.com/english/news/Turbulence-Remains-in-South-China-Sea-105148204.html>

<sup>19</sup> Michael D, Swaine, China’s Assertive Behavior-Part One: On “Core Interests,” China Leadership Monitor No. 34, Hoover Institution, Stanford University, February 22, 2011

<sup>20</sup> Edward Wong, “China Hedges Over Whether South China Sea is a “Core interest” Worth War,” The New York Times, 30 March 2011

cốt lõi” đối với Biển Đông phù hợp với chiến lược chống tiếp cận của hải quân Trung Quốc với mục đích là ngăn chặn hải quân Hoa Kỳ tiếp cận đến gần bờ biển Trung Quốc trải dọc theo khu vực Tây Thái Bình Dương. Khi sức mạnh hải quân tăng lên, tàu sân bay được triển khai cho những hoạt động xa bờ, Trung Quốc sẽ thực hiện chiến lược chống tiếp cận nhằm ngăn chặn sự đe dọa của Mỹ đối với những tuyến đường giao thương tại Biển Đông, ngăn chặn bất cứ nỗ lực nào của Hoa Kỳ nhằm trợ giúp chính quyền thách thức ở Đài Loan tuyên bố độc lập khỏi đại lục. Sự phát triển năng lực hải quân Trung Quốc sẽ gây ra những áp lực lớn hơn đối với lãnh đạo cấp cao Trung Quốc nhằm coi Biển Đông là “lợi ích cốt lõi”, và tuyên bố phiên bản học thuyết Monroe tại Tây Thái Bình Dương của riêng mình.

Theo như tin tức, quân đội Trung Quốc đang ngày càng gia tăng ảnh hưởng trong việc đưa ra quyết định liên quan đến an ninh, đây không phải là điều ngạc nhiên. Quan hệ của Đảng cộng sản và quân đội đã thay đổi trong những năm qua khi quyền tự quyết về mặt chuyên môn của quân đội đã có được sự công nhận từ lãnh đạo cấp cao nhất – những người vẫn duy trì quyền kiểm soát tối cao đối với quân đội. Quyền tự quyết về mặt chuyên môn cho phép ảnh hưởng lớn hơn của quân đội đối với những quyết định cho là thích đáng như trong vấn đề lãnh thổ Đài Loan và bảo vệ những lợi ích hàng hải của Trung Quốc. Trên danh nghĩa, lãnh đạo cấp cao nhất vẫn có thể kiểm soát quân đội nhưng chính sách ngoại giao đang ngày càng bị tác động bởi các tính toán an ninh và chiến lược hải quân, mà làm giảm đi sự linh hoạt của những nhà hoạch định chính sách nhằm trấn an những quan ngại của các quốc gia liên quan trong vấn đề Biển Đông là ASEAN và Hoa Kỳ. Những đại diện quân đội Trung Quốc vẫn luôn tuyên bố công khai về nhu cầu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ “bất khả xâm phạm” theo một cách thức mà gia tăng sự kỳ vọng và thúc ép người khác phải làm điều tương tự để họ không bị cáo buộc là thiếu lòng yêu nước. Những quan điểm như vậy sẽ trở nên cứng rắn và những cơ hội giải

quyết tranh chấp hòa bình sẽ trôi qua hoặc thậm chí bị lờ đi trước những áp lực biểu dương lòng yêu nước. Chính sách đối với Biển Đông của Trung Quốc sẽ ngày càng bị chi phối bởi chiến lược hải quân mà trong đó áp lực tuyên bố Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” trên thực tế nếu không phải là trên danh nghĩa sẽ càng được củng cố. Chiến lược hải quân của Trung Quốc đã hoàn toàn phát triển nhanh hơn chính sách đã được tuyên bố đối với khu vực, và sự không nhất quán giữa những cam kết ngoại giao và hoạt động của hải quân và những tàu ngư chính của Trung Quốc ngày càng mở rộng.<sup>21</sup> Chiến lược hải quân có những mục tiêu, mục đích vươn ra ngoài khu vực (Biển Đông – ND), mà sẽ ngày càng được xem như là vùng độc quyền quân sự và sẽ không bao giờ được đàm phán và nhượng bộ.

Trung Quốc đã tiến hành một loạt hành động quân sự cứng rắn tại Biển Đông dẫn đến gây gia tăng căng thẳng với các quốc gia tranh chấp ASEAN, châm ngòi cho những đụng độ mới. Những “tàu ngư chính” như Yuzheng 202, 303 và 311 được chuyển đổi từ tàu chiến hải quân thường xuyên được cử tuần tra khu vực này. Những chiếc tàu này hoạt động cùng với những tàu đánh cá Trung Quốc và bảo vệ các hoạt động của họ trong cái dường như là một nỗ lực đe dọa các quốc gia tranh chấp ASEAN. Vào tháng 3/2010, một tàu cá Việt Nam cùng 12 thủy thủ đoàn đã bị bắt trong khu vực Hoàng Sa, hành động này đã gây ra sự phản đối và yêu cầu thả thủy thủ đoàn từ phía Việt Nam<sup>22</sup>. Tháng 6/2010, một chiếc tàu phòng vệ bờ biển Indonesia đã bắt một tàu cá Trung Quốc đang hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của quần đảo Natuna, nhưng khi tàu “ngư chính” Yuzhung 311 và 303 tới, tàu phòng vệ Indonesia buộc phải nhượng bộ trong tình hình bế tắc

---

<sup>21</sup> James B Holmes, “China’s Maritime Strategy is More than Naval Strategy,” ChinaBrief, Volume XI, Issue 6, April 8 2011

<sup>22</sup> Will Clem, “Patrol boats to escort fishing vessels in disputed Spratlys,” South China Morning Post, April 3, 2010

trong suốt 10 giờ đàm phán tiếp theo.<sup>23</sup> Trung Quốc ban hành lệnh cấm đánh bắt cá tại Biển Đông, gây ra tình cảnh tái diễn cho các ngư dân Việt Nam thường xuyên bị bắt giữ và tịch thu tàu. Lệnh cấm đánh bắt cá đơn phương của Trung Quốc năm 2010 được áp đặt trong 10 tuần từ tháng 5 đến tháng 6. Quy mô lệnh cấm rất mập mờ mặc dù nó bao trùm khu vực xung quanh Hoàng Sa, nhưng cũng không quá xa về phía nam đến quần đảo Trường Sa<sup>24</sup>. Ngư dân Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi điều được cho là các hành động tùy tiện từ phía Trung Quốc. Tháng 7/2010, Trung Quốc đã tiến hành tập trận tại Biển Đông nhằm đáp trả cuộc tập trận Mỹ - Hàn được dự định tại biển Hoàng Hải mà Trung Quốc đã phản đối rất dữ dội. Truyền thông Trung Quốc đã tuyên bố rằng quy mô những cuộc tập trận là chưa từng có tiền lệ bởi có sự tham gia của những tàu chiến của cả 3 hạm đội hải quân. Tổng tham mưu trưởng Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) Trần Bình Đức (Chen Bingde) và Tư lệnh Hải quân Trung Quốc Ngô Thắng Lợi (Wu Shengli), cả hai đều là thành viên Quân ủy Trung ương và đều trực tiếp tham gia cuộc tập trận, báo hiệu tầm quan trọng của cuộc tập trận này<sup>25</sup>.

### **Kết luận**

Trước những xu hướng và diễn biến đã được phân tích ở trên có thể đưa ra một vài nhận định như sau. Thứ nhất, lập trường của Trung Quốc đối với vấn đề Biển Đông sẽ ngày càng bị định hình bởi chiến lược hải quân; khi tàu sân bay và những chiếc tàu hộ tống được triển khai tại khu vực nhằm bảo vệ SLOC và chính

---

<sup>23</sup> "S.E. Asia Grapples with a Rising Power," Asahi.com, 1 January 2011

<sup>24</sup> "Unilateral fishing ban likely to fuel tension" .editorial, South China Morning Post, May 17, 2010

<sup>25</sup> "China conducts naval drill in South China Sea," ChannelnewsAsia.com, 30 July 2010 G:\South China Sea\South China Sea 2010\China-30 July 2010.mht; Minnie Chan and Greg Torode, "Show of force in PLA South China Sea drill; War games a response to US-South Korean exercises, say analysts," South China Morning Post, July 30, 2010

sách phòng vệ biển của Trung Quốc sẽ ngày càng mang tính độc quyền và đòi hỏi. Thứ hai, Hoa Kỳ sẽ không nhường Biển Đông cho Trung Quốc vì tầm quan trọng chiến lược của nó đối với thương mại biển và những tuyến đường biển xuyên qua khu vực này kết nối Đông Á với những mỏ dầu tại Trung Đông. Thứ ba, Biển Đông có vẻ sẽ trở thành khu vực cạnh tranh giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ khi mà cả hai cường quốc này đều tìm kiếm ảnh hưởng và ngăn chặn lẫn nhau trong việc kiểm soát khu vực này. Hoa Kỳ đã và đang phát triển hợp tác an ninh với Việt Nam cũng như Indonesia vì mục đích này, và sự quả quyết của Trung Quốc đối với vấn đề tranh chấp lãnh thổ sẽ củng cố thêm sự hợp tác đó và làm tăng thêm mối cạnh tranh Mỹ - Trung. Thứ tư, Biển Đông sẽ là vấn đề vượt ngoài tầm với của ASEAN khi Hoa Kỳ và Trung Quốc đang ngày càng can dự. ASEAN có thể sẽ hối thúc giải pháp cho vấn đề, và có thể yêu cầu Trung Quốc chấp nhận bản Quy tắc ứng xử tại khu vực, nhưng Trung Quốc sẽ cố làm chệch hướng những nỗ lực này. Thực sự Trung Quốc sẽ không hứng thú đối với những kiến nghị giải quyết vấn đề trong bối cảnh khi mà Trung Quốc cảm thấy tự tin về sức mạnh của mình và muốn các nước khác thích nghi với thực tế đó.

Tuy nhiên, có thể sẽ có ích khi nghiên cứu những cách thức và đưa ra những kiến nghị giải quyết vấn đề mà có thể sẽ được tận dụng vào thời điểm nào đó khi mà, như cựu Bộ trưởng ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham từng nói, “điều kiện đã chín muồi”. Khi lãnh đạo Trung Quốc gặp phải những khó khăn từ bên ngoài đối với tham vọng của nước này, thì Trung Quốc có thể thay đổi để ngăn chặn sự phát triển của liên minh chống Trung Quốc đang ngày càng tăng do hệ quả từ những hành động quyết đoán của nước này. Trong kịch bản khác, Trung Quốc có thể ném trái một sự mất lòng tin tích tụ từ những xung đột nội bộ hay khủng hoảng kinh tế mà có thể buộc Trung Quốc phải đàm phán và đáp lại những đề xuất của ASEAN. Để chuẩn bị cho thời điểm đó, ASEAN nên vượt qua nỗi lo ngại

thường trực khi phải làm mất lòng Trung Quốc, và cần nhận thức rằng nỗi sợ hãi đó sẽ chứng minh cho quan niệm của Trung Quốc rằng nước này sẽ không gặp phải sự kháng cự nào và rốt cục chấp nhận sự kiểm soát của Trung Quốc đối với khu vực Biển Đông. Sự thiếu tự tin của ASEAN đối với Trung Quốc, sự bất lực của khối trong việc tạo ra một lập trường thống nhất về vấn đề này đã làm sứt mẻ tính hiệu quả của ASEAN. ASEAN đã đánh giá không đúng mức sức mạnh của khối trong đàm phán với một nước Trung Quốc mà sẽ bị ảnh hưởng đáng kể nếu làm mất lòng các quốc gia ASEAN láng giềng và đẩy họ đến với Hoa Kỳ. Nếu ASEAN có thể thể hiện quyết tâm mạnh mẽ đối với vấn đề Biển Đông thì Trung Quốc lúc này sẽ buộc phải xem xét lại cách tiếp cận mạnh bạo của mình. Nếu ASEAN không thể vượt qua được sự chia rẽ của mình đối với vấn đề Biển Đông thì những khó khăn của tranh chấp sẽ càng trở nên tồi tệ hơn và Trung Quốc sẽ không nghiêm túc trong việc giải quyết vấn đề này. Khi đó các bên yếu sách sau đó sẽ có những động cơ phát triển những mối quan hệ an ninh với các cường quốc như Hoa Kỳ và sẽ tăng cường năng lực hải quân của họ theo một cách thức mà sẽ chia rẽ khu vực hơn nữa./.

**GS. Leszek Buszynski**

*Quang Châu (dịch)*

*Đỗ Thủy (hiệu đính)*

*Tham luận của GS. Leszek Buszynski tại Hội thảo Quốc tế “Triển vọng Hợp tác trong các vấn đề ở Biển Đông - Prospects of Cooperation and Convergence of the Issues and Dynamics in South China Sea” ngày 31 tháng 5 năm 2011, tại Jakarta, Indonesia do Trung tâm Nghiên cứu chiến lược Châu Á, Jakarta tổ chức.*

*Bản gốc tiếng Anh “Can the South China Sea Dispute be resolved? ASEAN’s choices before an assertive China”*